

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HIỆN TƯỢNG NGẮT LỜI TRONG GIAO TIẾP HỘI THOẠI

SOME DISCUSSION ON THE ACT OF INTERRUPTIONS IN EVERYDAY CONVERSATIONS

PHẠM HỒNG VÂN
(ThS; Đại học Thăng Long)

Abstract: Interruptions are one phenomena in conversations. Interruptions occur when the second speaker starts his/her turn while the first speaker has not finished his/her turn. Based on their functions, interruptions can be classified as: simple interruptions, butting-in interruptions, silent interruptions or overlaps. There are a number of factors influencing interruptions in conversations among which it cannot go without saying of status, gender.

Key words: interruption; cooperative interruption; competitive interruption.

1. Hội thoại rất phổ biến và có vai trò quan trọng trong đời sống của con người. Thuộc phong cách ứng xử mang tính xã hội, hội thoại có thể được chia thành nhiều loại như hội thoại trực tiếp và hội thoại gián tiếp, hội thoại giữa các cá nhân và trong công chúng,...

Mặc dù hội thoại được dùng thường xuyên trong giao tiếp, theo đó, được nghiên cứu nhiều, nhưng cho đến nay, không ít tác giả cho rằng, vẫn chưa có một định nghĩa ngắn gọn và dễ hiểu về hội thoại. Là một hoạt động ngôn ngữ, tâm lí và xã hội, hội thoại có thể được hiểu là một kiểu giao tiếp, một sự trao đổi các lượt lời giữa các chủ thể tham gia hội thoại nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ ý kiến và biểu đạt cảm xúc.

Quy tắc cơ bản của mỗi lượt lời là các chủ thể lần lượt tham gia vào hành vi giao tiếp (speech acts). Thông thường ở mỗi lượt lời sẽ có một điểm chuyển lượt lời khi chủ thể đang nói ra dấu hiệu ngừng hoặc ngụ ý kết thúc lượt lời của mình. Tuy nhiên, trên thực tế, khi tham gia các lượt lời, các chủ thể thường không tuân

theo quy tắc cơ bản này mà xen ngang nhằm bày tỏ sự chú ý, mối quan tâm, lòng nhiệt tình,... hay nhằm để làm chủ cuộc thoại. Đó chính là hiện tượng ngắt lời trong hội thoại.

2. Ngắt lời (Interruptions) là một trong những hiện tượng thường thấy trong các cuộc thoại, điều đó có nghĩa là, chủ thể kế tiếp cắt ngang hay xen ngang chủ thể đang tham gia hoạt động giao tiếp. Nói cụ thể hơn, ngắt lời là lượt lời của chủ thể kế tiếp bắt đầu khi chủ thể vẫn chưa kết thúc lượt thoại của mình (Zimmerman và West, 1975).

Có thể nhìn từ các góc độ khác nhau để phân loại hành vi ngắt lời. Chẳng hạn, dựa vào ý đồ của ngắt lời, có thể phân thành ngắt lời cố ý và ngắt lời vô tình (Orestrom, 1983; Kendon, 1967); dựa vào thời điểm ngắt lời có thể chia thành ngắt lời khi lượt lời kết thúc và ngắt lời khi “hai chủ thể cùng cất giọng một lúc” (Meltzer; Morris & Hayes, 1971; Claney, 1972). Ferguson (1977) chia hiện tượng ngắt lời thành bốn loại như sau:

(i) Ngắt lời đơn giản: chủ thể thứ hai làm chủ cuộc thoại khi chủ thể thứ nhất vẫn chưa kết thúc lượt lời.

(ii) Ngắt lời xen ngang: hai chủ thể cùng tham gia ngắt lời lẫn nhau, không chủ thể nào kết thúc lượt nói của mình.

(iii) Ngắt lời im lặng: chủ thể thứ nhất không kết thúc lượt lời của mình và để chủ thể thứ hai làm chủ cuộc thoại.

(iv) Sự chồng chéo: không có đoạn nghỉ rõ ràng giữa các lượt lời, chủ thể thứ hai làm chủ cuộc thoại.

Chức năng của ngắt lời là nhằm làm cho chủ thể thứ nhất không thể kết thúc lượt lời của mình và cho phép chủ thể thứ hai làm chủ cuộc thoại (James & Clarke, 1993). Hầu hết các hiện tượng ngắt lời đều mang tính cạnh tranh, vì các chủ thể ngắt lời đều không ngại xen ngang chủ thể đang nói với mong muốn làm chủ cuộc thoại. Hiện tượng ngắt lời sở dĩ mang tính cạnh tranh là vì nó liên quan đến yếu tố chi phối, đó là, khi sự giao tiếp cần đi đến một kết luận chung (Ferguson, 1977; Kollock, Blumstein và Schwartz, 1985). Với tư cách là một cách để chủ thể chiếm ưu thế, hành vi ngắt lời được coi là một chiến thuật kiểm soát con người (Wishler và Waxler (1968), giống như một sự vi phạm, một dấu hiệu làm chủ cuộc thoại (Octigan và Niederman, 1979).

Liên quan đến mục đích, chức năng của ngắt lời, có một câu hỏi đặt ra là, ngắt lời trong giao tiếp hội thoại có mang tính cộng tác không? James và Clarke (1993), Kalcik (1975) sau nghiên cứu về hiện tượng ngắt lời trong các hội thoại của nữ giới đã chỉ ra rằng, hành vi ngắt lời xảy ra khi nữ giới cùng vui vẻ chia sẻ một đề tài hay một câu chuyện, và như vậy, dường như ngắt lời nghiêng về thái độ hợp tác và ủng hộ một cách tự nhiên. Tannen (1983) đã chứng minh rằng, ngắt lời có thể mang tính hợp tác, điều đó có nghĩa là chủ thể rất quan tâm và nhiệt tình tham gia vào cuộc thoại. Gọi là “nghiêng về” vì trong một vài trường hợp ngắt lời, chủ thể thứ hai không thực sự muốn làm

chủ cuộc thoại hay bày tỏ sự ủng hộ, đồng ý. Đây chính là trường hợp các hành động ngắt lời mang tính trung lập. Chúng không mang ý nghĩa cộng tác, ủng hộ hay có tính tiêu cực. Đó là khi người nghe không hiểu hay không nắm bắt được ý đồ của người nói, người nghe có thể xen vào để yêu cầu người nói nhắc lại hoặc giải thích; hay khi người nghe hiểu nhầm câu hỏi và muốn người nói diễn đạt lại câu hỏi một cách rõ ràng hơn (James và Clarke, 1993; Goldberg, 1990; Tannen, 1989; Coates, 1989).

Trên thực tế, theo James và Clarke (1993), không có một ranh giới rõ ràng giữa hành vi ngắt lời mang tính cạnh tranh và hành vi ngắt lời mang tính cộng tác. Vì thế, khi phân tích hay muốn phát hiện một hành vi ngắt lời, thiết nghĩ, cần phải xem xét đến ngữ cảnh, nội dung cũng như đề tài của cuộc thoại, địa điểm và thời gian diễn ra cuộc thoại, mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia cuộc thoại và một điều không kém phần quan trọng là phong cách hội thoại cũng như văn hóa của chủ thể ngắt lời. James and Clarke (1993), Murray (1987) có lí khi cho rằng, việc đánh giá một hành vi ngắt lời là có tính cạnh tranh hay hợp tác thực sự là không dễ dàng gì vì có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng. Tuy nhiên, theo Berger, Rosenholtz và Zelditch (1980), hành vi ngắt lời mang tính cộng tác xuất hiện nhiều hơn trong các cuộc thoại ít trang trọng, còn hành vi ngắt lời mang tính cạnh tranh lại thường thấy trong các cuộc thoại có tính trang trọng (James & Clarke, 1993).

Từ góc độ giới có thể thấy, nam giới và nữ giới có phong cách hội thoại khác nhau, theo đó, cũng có cách ngắt lời khác nhau (Graddol và Swann, 1989; Coates, 2004). Một số nghiên cứu thực tế qua một số cuộc thoại giữa nam và nữ đã chỉ ra rằng, nam giới ngắt lời nhiều hơn nữ giới. Theo Zimmerman và West (1975), trong các cuộc thoại giữa hai giới, nam giới thường xâm phạm quyền của nữ giới khi kết thúc lượt lời trong khi nữ giới không những không xâm phạm lượt lời của nam mà còn đợi đến khi lượt nói đó kết thúc mới bắt đầu nói. Nhận xét này cũng đã được nhiều tác giả khác

chia sẻ (Coates, 2004; Eakins, 1979; Aries, 1987; Holmes, 1995). Các tác giả này cùng khẳng định và cho rằng, nam giới ngắt lời nhiều hơn và ngắt lời nữ giới nhiều hơn so với nữ giới ngắt lời nam giới. Điều lí thú là, khi so sánh giữa nhân tố địa vị và quyền lực, nhân tố nào ảnh hưởng đến ngắt lời, đã có hai luồng ý kiến khác nhau: Luồng ý kiến thứ nhất cho rằng, vị thế hay quyền lực là nhân tố tác động mạnh đến hành vi ngắt lời. Theo họ, dường như người ở địa vị cao có quyền lực có xu hướng ngắt lời nhiều hơn (Kollock, Blumstein và Schartz, 1985). Luồng ý kiến thứ hai cho rằng, giới có vai trò quan trọng hơn địa vị. Điều này được chứng minh qua nghiên cứu về tương tác hội thoại giữa bác sĩ và bệnh nhân, trong cuộc thoại giữa một phụ nữ có địa vị cao và các trợ lí nam giới trong giao tiếp về công việc (West, 1998b; Woods, 1989; Coates, 2004).

Cũng từ góc độ giới, James và Clarke (1993) đã đưa ra rất nhiều dẫn chứng chứng minh rằng, nữ giới có xu hướng sử dụng lối nói trực tiếp nhằm thể hiện sự tham gia, ủng hộ, mối quan tâm và lòng nhiệt tình. Tannen (1992) và Coates (2004) cho rằng, nữ giới thể hiện sự đồng tình, ủng hộ nhiều hơn trong các cuộc thoại. Nữ giới thường sử dụng các cấu trúc mang tính lịch sự và nhẹ nhàng như *let's, gonna, maybe, can, could* (*chúng ta hãy, có thể*) ... hay những lời khen như *that's nice* (*hay lắm*). Từ đây, có thể đưa ra một giả định rằng, nữ giới sử dụng hành động ngắt lời mang tính cộng tác nhiều hơn nam giới. Giả định của James và Clarke (1993) đã được McLachlan (1991) xác nhận trong nghiên cứu mình khi giải quyết một vấn đề trong đó các chủ thể mong muốn tìm kiếm sự đồng tình như một giải pháp, nữ giới có nhiều hành động ngắt lời không có tính gây rối hơn nam giới. Họ có thể sử dụng các cách hồi đáp tối thiểu như *mhm, yeah, right* (*ừm, vâng, đúng vậy*)... Các nghiên cứu của Kalcik (1975), Booth- Butterfield (1988) và Coates (1989) cũng cho thấy rằng, nữ giới thiên về sử dụng các hành động ngắt lời nhằm bày tỏ sự quan tâm, đồng tình. Với cách ngắt lời như

mhm, yeah, right (*ừm, vâng, đúng vậy*)... chủ thể thứ nhất vẫn có thể tiếp tục hành vi giao tiếp của mình. James và Clarke (1993) đã đưa ra một kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, hành vi ngắt lời có tính ủng hộ, hợp tác xuất hiện nhiều trong các cuộc thoại giữa nữ giới hơn là trong các cuộc thoại giữa nam giới.

3. Hành vi ngắt lời liên quan đến phong tục tập quán, thói quen, nói cách khác là liên quan đến văn hoá. Mỗi cộng đồng giao tiếp có cách nhìn riêng (thái độ ngôn ngữ) về hành vi ngắt lời, theo đó, việc sử dụng biểu thức ngắt lời cũng khác nhau. Vì thế, cùng với các hành vi ngôn ngữ khác, hành vi ngắt lời trở thành một nội dung quan trọng trong học tập, sử dụng ngoại ngữ. Trường hợp sinh viên học tiếng Anh ở Trường Đại học Thăng Long là một ví dụ.

Tại Trường Đại học Thăng Long, tất cả các sinh viên đều phải học tiếng Anh ít nhất trong bốn học kì. Như vậy, có thể nói rằng, tiếng Anh là một môn học có một vai trò quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên tại trường. Trong mỗi giờ lên lớp, các giáo viên không chỉ chú trọng đến ngữ pháp hay các kĩ năng đọc, viết mà còn giúp sinh viên rèn luyện kĩ năng nói và nghe một cách hiệu quả.

Trong quá trình học, các em được thực hành giao tiếp tiếng Anh thông qua các tình huống thực tế mà các em sẽ gặp sau này trong công việc như tham dự cuộc họp, thảo luận nhóm, đàm phán, giao tiếp qua điện thoại... Ở mỗi tình huống, các em được thực hành các hành vi giao tiếp khác nhau như chào hỏi, nêu ý kiến, bày tỏ quan điểm, rào đón, làm sáng tỏ một vấn đề... Hành vi ngắt lời xuất hiện khá nhiều trong các cuộc họp, các cuộc thảo luận. Khi thực hiện hành vi ngắt lời, chủ thể thứ hai đã thực hiện một hành vi có thể gây bực mình cho chủ thể thứ nhất do xen ngang khi chủ thể thứ nhất đang nói. Để tránh gây ra sự bực mình, chủ thể thứ hai sẽ phải có những hành vi như xin phép hay rào đón. Trong tiếng Anh, người ta thường sử dụng những mẫu câu xin phép như "*Could I*

just say something?” (Tôi có thể nói được không ạ?) “*Could I interrupt for a quick second?*” (Tôi có thể ngắt lời trong giây lát được không ạ?). Khi đưa ra hành vi rào đón, người Anh có thể nói “*If I could just come in here*” (Nếu tôi có thể xen ngang ở đây). Qua các ví dụ trên, có thể thấy, người Anh thường sử dụng lối nói gián tiếp khi thực hiện hành vi ngắt lời do đây là hành vi có thể đe dọa thể diện (face threatening act- FTA), và theo người Anh lối nói gián tiếp thể hiện mức độ lịch sự cao hơn so với lối nói trực tiếp. Tuy nhiên, đối với người Việt, lối nói trực tiếp được sử dụng nhiều hơn. Do vậy, có thể dễ dàng gặp các cấu trúc như “*Tôi không đồng ý như vậy.*” hay “*Nhưng tôi thấy...*”. Với sự khác biệt trong cách sử dụng các cấu trúc để diễn đạt hành động ngắt lời giữa người Anh và người Việt, khi thực hiện các tình huống giao tiếp, sinh viên thường hay mắc phải cách diễn đạt dùng từ tiếng Anh để diễn đạt cấu trúc câu tiếng Việt. Chẳng hạn, sinh viên thường có cách diễn đạt rất tự nhiên như “*I don't agree like that*” hay “*But I think...*”. Thực ra đây là một lỗi khá nghiêm trọng vì nó rất dễ gây ra FTA. Điều này đòi hỏi sinh viên khi đi sâu vào thực hành các hành vi ngôn ngữ nói chung, hành vi rào đón nói riêng trong tiếng Anh cần nắm vững các biểu thức và văn hoá giao tiếp giữa người Anh và người Việt để từ đó có thể chủ động sử dụng phù hợp với bối cảnh giao tiếp.

Tài liệu tham khảo chính

1. Coates, Jennifer (1993), *Women, men and language*. London: Longman Group UK Limited.

2. James, Deborah and Clarke, Sandra (1993), *Women, me, and interruptions: A critical review*. In Deborah Tannen (Eds.) *Gender and conversational interaction* (pp. 231-280). New York: Oxford University Press, Inc.

3. Orestrom, Bengt. (1983), *Turn – taking in English conversation*. Lund: Liber Forlag

4. Stenstrom, Anna-Brita. (1984), *Questions and responses: in English conversation*. Malmo: Liber Forlag.

5. Stenstrom, Ann-Brita (1994), *An introduction to spoken interaction*. London: Longman Group UK Limited.

6. Tannen, Deborah (1992), *You just don't understand: Women and men in conversation*. London: Virago Press Limited

7. Zimmerman, D. H. and West, C. (1975), *Sex roles, interruptions and silences in conversation*. In Thorne, B. and Henley, N. (Eds) *Language and Sex: difference and dominance* (pp. 105-129). Rowely, Mass. Newbury House.

8. Đỗ Hữu Châu (2009), *Đại cương ngôn ngữ học; tập 2: Ngữ dụng học*. Nxb Giáo dục.

9. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb. Khoa học xã hội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-04-2013)

HỘP THƯ

Trong tháng 5/2013, *NN & ĐS* đã nhận được thư, bài của các tác giả: Lê Thị Tố Uyên, Ngô Thanh Mai, Ngô Minh Nguyệt, Nguyễn Diệu Thúy, Nguyễn Trung Thuận, Nguyễn Kim Loan (Hà Nội); Cao Xuân Hải (Thanh Hóa); Hoàng Trọng Canh (Nghệ An); Nguyễn Thị Minh Trang, Lưu Văn Din (Đà Nẵng); Trần Trọng Nghĩa, Nguyễn Thị Bích Ngoan (Tp HCM)

Tòa soạn *NN & ĐS* xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS